TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K – TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2022/HNGĐ-ST**
Ngày 18/01/2022
"V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : Ông Hoàng Ngọc Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Gia Khánh

Bà Trần Thị Lệ Dung

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan - Thư ký Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Ông Ninh Trọng Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 152/2021/TLST-HNGĐ ngày 06/10/2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2021/QĐST-HNGĐ ngày 03/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2021/QĐST-DS ngày 22/12/2021 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Chị Ngô Thị Hương T, sinh năm 1990; nơi cư trú: Khối 11, thị trấn B, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- **Bị đơn**: Anh Nguyễn Việt T1, sinh năm 1986; nơi cư trú: Xóm 7, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: Có mặt chị T, vắng mặt anh T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu khác có trong hồ sơ và tại phiên tòa chị Ngô Thị Hương T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị (Ngô Thị Hương T) kết hôn với anh Nguyễn Việt T1 trên cơ sở tự nguyện, không bị ai lừa dối hay ép buộc, có đăng ký kết hôn vào ngày 09/5/2016 tại UBND thị trấn B, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau kết hôn vợ chồng sống cùng gia đình nhà chồng tại xóm 7, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình được khoảng 02 tháng, sau đó chuyển về xã C ở được khoảng 1 năm thì vợ chồng lại chuyển về khối 11, thị trấn B, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Vợ chồng sống hạnh phúc

được khoảng hơn 3 năm thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong sinh hoạt, cũng như trong việc nuôi dạy con cái dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Đến giữa năm 2019 thì vợ chồng sống ly thân, anh T1 về nhà bố mẹ đẻ tại xóm 7, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình để ở cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Việt T1.

Về con chung: chị T xác nhận vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Hà V, sinh ngày 01/3/2016 và cháu Nguyễn Phúc L, sinh ngày 04/12/2018, hiện cả hai cháu đều đang ở với chị T. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng.

Về tài sản và nợ chung: chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn trong vụ án là anh Nguyễn Việt T1, nơi cư trú tại xóm 7, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân huyện K đã giao thông báo về việc thụ lý vụ án, giao các tài liệu, chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho anh T1. Mặc dù anh T1 đang có mặt tại nơi cư trú xóm 7, xã K và anh T1 đã nhận được thông báo thụ lý vụ án cùng các văn bản tố tụng của Tòa án, biết rõ việc Tòa án nhân dân huyện K đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị T với anh, nhưng anh T1 không hợp tác, không đến Tòa án làm việc, không có văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh:

Chính quyền địa phương xã K, huyện K cung cấp: anh Nguyễn Việt T1 và chị Ngô Thị Hương T là vợ chồng. Mâu thuẫn giữa anh T1, chị T là do anh T1 ham chơi ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, ngoài nguyên nhân đó ra thì còn có nguyên nhân nào khác thì không biết.

Chính quyền thị trấn B cung cấp: về nguyên nhân mâu thuẫn thì chính quyền địa phương không biết. Về công việc thì anh T1 là lao động tự do nên thu nhập thế nào địa phương không nắm được, còn chị Trà là cán bộ nhân viên y tế thuộc Trạm y tế thị trấn B, mức thu nhập của chị T theo quy định của Nhà nước.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đúng

các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của mình; bị đơn không thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử cho chị T ly hôn anh T1. Giao con chung là cháu Nguyễn Hà V, sinh ngày 01/3/2016 và cháu Nguyễn Phúc L, sinh ngày 04/12/2018 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T, anh T1 có quyền thăm nom con chung. Chị T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu có tại hồ sơ cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: đây là quan hệ tranh chấp về "Hôn nhân và gia đình" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Nguyễn Việt T1, sinh năm 1986; trú tại: xóm 7, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện K đã tống đạt giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật cho các bên đương sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 22/12/2021 anh Nguyễn Việt T1 là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do, nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa lần thứ hai ngày 18/01/2022 Tòa án đã tống đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Nguyễn Việt T vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Việt T1 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Ngô Thị Hương T và anh Nguyễn Việt T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu, không bị ai lừa dối hay ép buộc và có đăng ký kết hôn ngày 09/5/2016 tại UBND thị trấn B, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình, thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nhưng giữa anh T1 và chị T không tôn trọng nhau trong cuộc sống, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì đã phát sinh

mâu thuẫn và sống ly thân nhau, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm trong sinh hoạt cũng như trong việc nuôi dạy con cái, đồng thời do anh T1 ham chơi làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình. Chị T động viên khuyên bảo anh T1 nhiều lần nhưng anh T1 vẫn không thay đổi, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau và đã sống ly thân nhau gần 3 năm.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Việt T1 biết việc chị T xin ly hôn, nhưng anh không có biện pháp nào để cải thiện đời sống chung của vợ chồng, không có thiện chí hòa giải, có ý bỏ mặc, không quan tâm, không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, hiện nay vợ chồng vẫn sống ly thân. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể khắc phục được. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho chị Ngô Thị Hương T được ly hôn anh Nguyễn Việt T1 là phù hợp.

[3] Về con chung*:* chị T, anh T1 có hai con chung là cháu Nguyễn Hà V, sinh ngày 01/3/2016 và cháu Nguyễn Phúc L, sinh ngày 04/12/2018, hiện cả hai cháu đều đang ở cùng chị T. Chị T có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng; anh T1 không có ý kiến gì về con chung. HĐXX xét thấy từ nhiều năm nay cả hai người con chung của vợ chồng đều đang ở cùng với chị T tại thị trấn B, mặt khác chị T có việc làm ổn định, có thu nhập hàng tháng đều đặn đủ để chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Vì vậy, cần chấp nhận đề nghị của chị T, giao chị T nuôi dưỡng cả hai con chung của vợ chồng và không buộc anh T1 phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con như sự tự nguyện của chị T là phù hợp.

[4] Về tài sản và nợ chung: chị T xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết; còn anh T1 không có ý kiến gì. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí*:* chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 3 Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Ngô Thị Hương T và anh Nguyễn Việt T1.

2. Về nuôi con chung: giao con chung là cháu Nguyễn Hà V, sinh ngày 01/3/2016 và cháu Nguyễn Phúc L, sinh ngày 04/12/2018 cho chị Ngô Thị Hương T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T, anh T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trôm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị T. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: chị Ngô Thị Hương T phải nộp 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0004422 ngày 06/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K; chị T đã nộp đủ.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh NB;*
- *VKS huyện K;*
- *THADS huyện K;*
- *UBND TT. B;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Hoàng Ngọc Hưng